

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VINH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/DS-ST

Ngày: 28 - 9 - 2021

*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VINH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.

**- *Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Triệu Lát

Ông Thái Trung Nghĩa

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vinh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vinh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vinh Châu, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021; Thông báo tiếp tục xét xử số 11/2021/TB-TA ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự;

**- *Nguyên đơn:*** Ngân hàng S

Trụ sở: Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đại P, sinh năm 1980; chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch VC; địa chỉ: Khóm 1, Phường A, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

**- *Bị đơn:*** Ông Vương Thanh T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Bà Thạch Thị N, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng S cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Đại P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 21/01/2019 Ngân hàng S – Phòng giao dịch thị xã VC có ký hợp đồng với ông Vương Thanh T và bà Thạch Thị N giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1902100279 vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 2%/tháng, tổng gốc và lãi phải trả là 86.000.000 đồng, phương thức trả nợ vốn và lãi định kỳ hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 28/02/2019, kỳ trả nợ cuối cùng là ngày 22/01/2022, số tiền trả mỗi kỳ là 2.388.000 đồng, kỳ trả nợ cuối là 2.420.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 30/4/2020 thì ông T và bà N đã vi phạm hợp đồng để phát sinh nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nhưng ông T và bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ông T và bà N đã trả cho Ngân hàng được 33.432.000 đồng (gồm 14 kỳ) trong đó nợ gốc 19.432.000 đồng, nợ lãi 14.000.000 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vương Thanh T và bà Thạch Thị N phải thanh toán số tiền còn nợ Ngân hàng là 54.873.641 đồng (Trong đó nợ gốc 30.568.000 đồng; Lãi trong hạn 17.933.333 đồng; Lãi quá hạn 6.372.308 đồng) và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1902100279 ngày 21/01/2019 từ ngày 29/9/2021 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2021 (BL75) bị đơn Vương Thanh T trình bày: Vào năm 2019 ông Vương Thanh T và bà Thạch Thị N có vay tiền của Ngân hàng S số tiền 50.000.000 đồng mục đích vay là để đi thu mua hành bán lại và bán phân bón tại nhà, nhưng không có giấy phép đăng ký kinh doanh quá trình vay đã trả được 33.432.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi, nay Ngân hàng khởi kiện thì ông T thừa nhận còn nợ tiền Ngân hàng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán cho Ngân hàng.

- Bị đơn bà Thạch Thị N đều vắng mặt tại các buổi giải quyết của Tòa án và tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T và bà N biết và Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ ông T, bà N hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có ông T có mặt, bà N đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho bà N biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông T và bà N cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp

hành đúng pháp luật tổ tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành của bị đơn chưa đúng pháp luật, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Vương Thanh T và bà Thạch Thị N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng S số tiền còn nợ là 54.873.641 đồng (Trong đó nợ gốc 30.568.000 đồng; Lãi trong hạn 17.933.333 đồng; Lãi quá hạn 6.372.308 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1902100279 ngày 21/01/2019 kể từ ngày 29/9/2021 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Quyết định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Vương Thanh T và bà Thạch Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Việc ông T và bà N vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà N.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng S với bị đơn Vương Thanh T, Thạch Thị N là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp B, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc yêu cầu ông T, bà N trả tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2021). Tổng cộng 54.873.641 đồng (Trong đó nợ gốc 30.568.000 đồng; Lãi trong hạn 17.933.333 đồng; Lãi quá hạn 6.372.308 đồng) Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1902100279 ngày 21/01/2019 thì ông T, bà N nhận tiền vay của Ngân hàng là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, tính từ ngày 28/02/2019 đến ngày 22/01/2022 là đáo hạn, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 24%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, không có thế chấp tài sản để bảo đảm khoản vay. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc ông T, bà N thực hiện trả nợ gốc và lãi nhưng ông T, bà N chỉ trả được 19.432.000 đồng nợ gốc và tiền lãi 14.000.000 đồng thì không trả nữa, nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn. Mục đích vay tiền về để kinh doanh hành tím và phân bón, thuốc bảo vệ thực vật kiếm lời để sinh hoạt trong gia đình, Tòa án đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án gửi đến các bị đơn và

các bị đơn đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, ông T có ý kiến trình bày, bà N không có ý kiến trình bày mặc nhiên đã thừa nhận, tình tiết nêu trên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Tòa chấp nhận buộc các bị đơn trả số tiền vay còn nợ cho nguyên đơn.

[5] Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn ông Vương Thanh T, bà Thạch Thị N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ 54.873.641 đồng (Trong đó nợ gốc 30.568.000 đồng; Lãi trong hạn 17.933.333 đồng; Lãi quá hạn 6.372.308 đồng) là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 29/9/2021) ông Vương Thanh T và bà Thạch Thị N còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD1902100279 ngày 21/01/2019 đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Vương Thanh T và bà Thạch Thị N có nghĩa vụ liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là  $54.873.641 \text{ đồng} \times 5\% = 2.743.682 \text{ đồng}$  (hai triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho đương sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S đối với các bị đơn ông Vương Thanh T và bà Thạch Thị N.

Buộc ông Vương Thanh T và bà Thạch Thị N có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng S, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2021) bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc: 30.568.000 đồng (ba mươi triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

- Tiền lãi trong hạn: 17.933.333 đồng;

- Lãi quá hạn 6.372.308 đồng

Tổng cộng: 54.873.641 đồng (Năm mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 29/9/2021) ông Vương Thanh T và bà Thạch Thị N còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1902100279 ngày 21/01/2019 đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vương Thanh T và bà Thạch Thị N có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.743.682 đồng (hai triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng).

- Ngân hàng S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 939.466 đồng (Chín trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009309 ngày 09/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho đương sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ

sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Dương Chiêu Hùng**